

Số: 387/KTQLB-VPCT
V/v thực hiện công bố thông tin

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Căn cứ Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-HĐTV ngày 20/10/2021 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin và sử dụng phần mềm quản lý thông tin công khai, minh bạch hoạt động tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay xin báo cáo thông tin công bố định kỳ như sau:

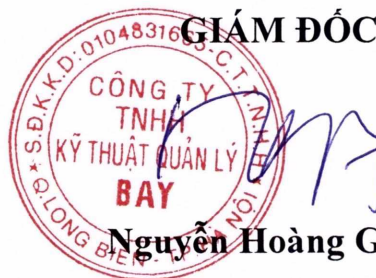
1. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán (chi tiết như tài liệu đính kèm).

2. Theo điểm b, khoản 1, Điều 23 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải định kỳ công bố thông tin “Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Biểu số 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện”. Công ty sẽ thực hiện công bố nội dung trên ngay sau khi Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay được Tổng công ty phê duyệt.

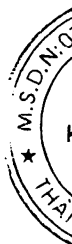
Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Ban KSNB-TCT
- CTCT (để b/c)
- KSV
- BBT Website Công ty (để đăng tải)
- Lưu: VT, VP (Ha06b)



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 08 - 26 |

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Tiến Thịnh

Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Ông Nguyễn Như Thành

Phó Giám đốc

Ông Phan Quốc Hưng

Phó Giám đốc

Ông Đinh Nhật Minh

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

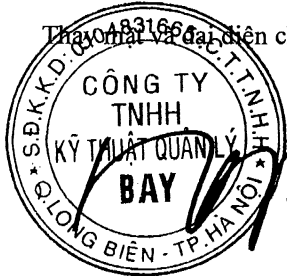
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Số: 009 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 01 năm 2024, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản phải thu lâu ngày chưa thu hồi với Ban Quản lý Dự án cầu Hải Phòng giá trị 5.630.862.213 VND, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng này. Công ty đã cung cấp cho chúng tôi hồ sơ liên quan đến khoản công nợ trên, nhưng chúng tôi không có được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số dư công nợ này không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

- i. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 - Vốn chủ sở hữu: Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2023, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- ii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong quý 4 năm 2023, Công ty hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị khoảng 66,2 tỷ VND trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.
- iii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố: Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban Điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị là 108.722.174.400 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến những vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

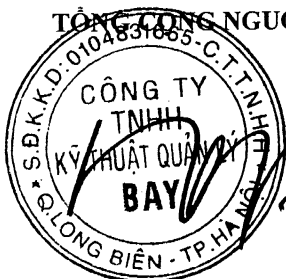
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 240.684.950.733 | 311.184.253.385 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 117.894.707.810 | 126.751.769.537 |
| 1. Tiền | 111 | | 27.894.707.810 | 6.751.769.537 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 90.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 102.405.751.945 | 168.437.571.804 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 88.270.151.507 | 133.619.287.852 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 6.303.186.827 | 18.461.698.990 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 8.255.626.611 | 16.356.584.962 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 7 | (423.213.000) | - |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 12.624.227.202 | 15.484.868.831 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 12.653.100.745 | 15.514.718.354 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (28.873.543) | (29.849.523) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.760.263.776 | 510.043.213 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 6.270.834.952 | 500.717.807 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.489.428.824 | 9.325.406 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 180.915.135.778 | 133.500.285.705 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 235.723.548 | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 235.723.548 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 113.255.236.633 | 78.450.059.224 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 109.135.209.700 | 75.276.937.919 |
| - Nguyên giá | 222 | | 676.301.448.746 | 624.686.160.556 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (567.166.239.046) | (549.409.222.637) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 4.120.026.933 | 3.173.121.305 |
| - Nguyên giá | 228 | | 22.030.817.194 | 19.647.848.467 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (17.910.790.261) | (16.474.727.162) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 61.869.261.789 | 48.295.491.513 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 61.869.261.789 | 48.295.491.513 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.554.913.808 | 6.754.734.968 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 3.190.617.241 | 4.009.116.758 |
| 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 2.364.296.567 | 2.745.618.210 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 421.600.086.511 | 444.684.539.090 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 123.255.058.500 | 141.605.488.333 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 67.782.907.499 | 77.408.837.044 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 16.182.030.756 | 6.510.368.494 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 15 | 531.002.162 | 1.700.944.457 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 6.033.192.371 | 15.702.587.819 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 29.526.531.158 | 32.115.847.618 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 4.706.124.818 | 2.544.423.927 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 238.848.900 | 324.038.848 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 500.612.688 | 202.195.889 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 10.064.564.646 | 18.308.429.992 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 55.472.151.001 | 64.196.651.289 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | 15 | 35.584.782.845 | 43.298.795.974 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 205.343.657 | 256.103.278 |
| 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 19.682.024.499 | 20.641.752.037 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 298.345.028.011 | 303.079.050.757 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 18 | 298.345.028.011 | 303.079.050.757 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 279.084.000.000 | 279.084.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 17.181.965.381 | 14.268.724.166 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 2.079.062.630 | 9.726.326.591 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 2.079.062.630 | 9.726.326.591 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 421.600.086.511 | 444.684.539.090 |



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Phụ trách kế toán

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số năm nay | Số năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 328.896.649.714 | 301.829.927.429 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01) | 10 | | 328.896.649.714 | 301.829.927.429 |
| 3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | 21 | 205.978.255.451 | 197.179.641.671 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 122.918.394.263 | 104.650.285.758 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 4.938.232.731 | 3.895.636.748 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 622.664.759 | 167.448.625 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 25 | 515.512.904 | 442.935.516 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 54.345.795.623 | 48.992.089.480 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 72.372.653.708 | 58.943.448.885 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | 26 | 308.473.489 | 867.849.880 |
| 11. Chi phí khác | 32 | 27 | 360.086.840 | 95.564.996 |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (51.613.351) | 772.284.884 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 72.321.040.357 | 59.715.733.769 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | 15.047.822.422 | 11.995.433.938 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 57.273.217.935 | 47.720.299.831 |



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

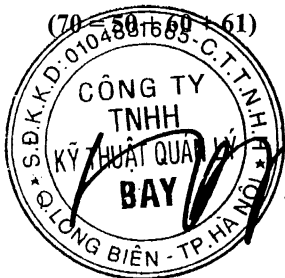
Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Phụ trách kế toán

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Số năm nay | Số năm trước |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 363.892.282.344 | 215.592.859.344 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (122.186.401.862) | (120.931.730.635) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (101.787.718.226) | (63.966.443.981) |
| 4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (18.250.454.284) | - |
| 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 20.757.700.172 | 12.764.634.008 |
| 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (102.686.731.606) | (80.112.335.551) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 39.738.676.538 | (36.653.016.815) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (41.863.618.819) | (21.888.367.834) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.616.261.208 | 3.824.950.239 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (37.247.357.611) | (18.063.417.595) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (11.364.658.267) | (192.024.308) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (11.364.658.267) | (192.024.308) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (8.873.339.340) | (54.908.458.718) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 126.751.769.537 | 181.380.742.155 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 16.277.613 | 279.486.100 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 117.894.707.810 | 126.751.769.537 |



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Phụ trách kế toán

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên sửa đổi lần 9 vào ngày 28 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 VND.

Trụ sở chính đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 410 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 408 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công nghệ thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Hoạt động chính

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không.

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 6, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu báo cáo tài chính của năm trước đảm bảo khả năng so sánh được với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong năm, đây là số vật tư, công cụ dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng nên không trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

| | Năm 2023 |
|------------------------|----------|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, chương trình phần mềm, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian được phép sử dụng đất. Chương trình phần mềm và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí bay hiệu chuẩn, chi phí trang phục ngành, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.

Năm 2023 Công ty trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ số tiền 2.237.024.141 VND (bằng 3% thu nhập tính thuế TNDN). Trích lập Quỹ trong năm phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số tiền Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty đã sử dụng từ lúc trích lập là 15.464.169.794 VND. Trong đó, số tiền trích lập Quỹ lũy kế từ năm 2012 đến năm 2017 là 13.000.000.000 VND, số tiền trích lập Quỹ năm 2018 là 6.000.000.000 VND. Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền trích lập Quỹ lũy kế từ năm 2012 đến năm 2017 và sử dụng 2.464.169.794 VND số tiền trích lập Quỹ năm 2018 (tương ứng sử dụng 41,07% số tiền trích lập Quỹ của năm 2018). Giá trị trích lập quỹ năm 2018 chưa sử dụng hết là 3.535.830.206 VND. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2022/TT-BTC, Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích nhưng sử dụng không hết 70% khoản trích Quỹ và tiền lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp này. Cụ thể:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích nhưng sử dụng không hết 70% khoản trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 707.166.041 VND.
- + Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 64.917.843 VND.

Công ty hạch toán phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và phần lãi tính trên số thuế này vào giảm Quỹ tương ứng với năm trích lập.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam. Trong năm, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận căn cứ trên cơ sở của các hồ sơ: Quy chế tài chính của Công ty, Quyết định số 752/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành quy định thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP và Quyết định số 541/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 752/QĐ-HĐTV. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

- Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các chi nhánh của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAYSố 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, TP. Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Tiền mặt | 710.599.197 | 741.781.919 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 27.184.108.613 | 6.009.987.618 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 90.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| Cộng | <u>117.894.707.810</u> | <u>126.751.769.537</u> |

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ một đến ba tháng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|----------------------------------|---------------------------------|
| a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 13.771.382.083 | 32.781.579.324 |
| Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng | 5.630.862.213 | 5.630.862.213 |
| Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Vân Đồn - CN Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn - Sun Group | 3.146.175.200 | 2.178.005.520 |
| Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận | 874.780.054 | 2.569.929.149 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Mỹ Kim | 265.151.772 | 2.051.026.164 |
| Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) | 262.373.754 | 18.514.718.856 |
| Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh | 900.485.598 | - |
| Công ty Indra Air Traffic, Inc | 1.364.060.000 | - |
| Quân chủng Phòng không Không quân | 415.530.550 | 415.530.550 |
| Các đối tượng khác | 911.962.942 | 1.421.506.872 |
| b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan | 74.498.769.424 | 100.837.708.528 |
| Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH | 74.022.573.424 | 100.750.588.896 |
| Công ty Quản lý Bay Miền Bắc | - | 34.869.632 |
| Công ty Quản lý Bay Miền Trung | 423.946.000 | - |
| Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - | 52.250.000 | 52.250.000 |
| Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam | - | - |
| Cộng | <u>88.270.151.507</u> | <u>133.619.287.852</u> |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---|----------------------------------|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp CONSTREXIM Số 8 | 3.031.761.648 | 3.426.869.500 |
| Công ty Cổ phần giải pháp kỹ thuật Toàn Cầu | 763.963.650 | 763.963.650 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Giáo dục- Y tế Nam Việt | 702.000.000 | 744.000.000 |
| Công ty TNHH SPS Việt Nam | 612.230.010 | 1.384.592.550 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng 306 | - | 3.915.216.291 |
| Công ty TNHH Công nghệ DICOM | - | 1.885.752.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Hà Nội | - | 1.499.051.606 |
| Công ty TNHH Đầu tư và XD Thành Vinh | - | 1.328.077.439 |
| Các đối tượng khác | 1.193.231.519 | 3.514.175.954 |
| Cộng | <u>6.303.186.827</u> | <u>18.461.698.990</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|---------------------------|------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn - CN Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn - Sun Group | 3.146.175.200 | 2.722.962.200 | - | - |
| Cộng | 3.146.175.200 | 2.722.962.200 | - | - |

8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Phải thu khác ngắn hạn | 8.255.626.611 | - | 16.356.584.962 | - |
| Tạm ứng | 422.246.600 | - | 339.108.519 | - |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 3.414.133.156 | - | 11.753.644.909 | - |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (i) | 3.072.323.845 | - | - | - |
| Phải thu Tổng Công ty về lợi nhuận nộp thừa | - | - | 2.951.220.990 | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.346.923.010 | - | 1.312.610.544 | - |
| b) Phải thu khác dài hạn | 235.723.548 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 235.723.548 | - | - | - |

Ghi chú:

- (i) Là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường cho các hạng mục chi phí kiểm định chất lượng công trình và chi phí sửa chữa phần công việc không đạt yêu cầu của gói thầu số 8 do Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường làm nhà thầu tại dự án đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn.

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.043.489.307 | (21.737.149) | 4.539.224.728 | (22.713.129) |
| Công cụ, dụng cụ | 150.163.019 | - | 150.163.019 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 6.753.099.982 | - | 10.201.485.758 | - |
| Thành phẩm | 706.348.437 | (7.136.394) | 623.844.849 | (7.136.394) |
| Cộng | 12.653.100.745 | (28.873.543) | 15.514.718.354 | (29.849.523) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 6.270.834.952 | 500.717.807 |
| Chi phí bay hiệu chuẩn đợt 2 mùa bay 2022/2023 và đợt 1 mùa bay 2023/2024 (cho thiết bị dẫn đường) | 3.413.063.181 | - |
| Chi phí trang phục ngành | 1.761.879.899 | - |
| Chi phí phần mềm | 630.753.856 | 449.220.202 |
| Chi phí bảo hiểm | 4.330.846 | 4.134.142 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 460.807.170 | 47.363.463 |
| b) Dài hạn | 3.190.617.241 | 4.009.116.758 |
| Chi phí sửa chữa | 1.267.437.911 | 1.855.269.597 |
| Chi phí bay hiệu chuẩn đợt 1 mùa bay 2023/2024 (cho thiết bị ADSB) | 541.028.645 | - |
| Chi phí sử dụng tần số vô tuyến điện | 348.285.532 | 154.910.158 |
| Chi phí cấp giấy phép | 225.651.095 | 363.981.754 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 808.214.058 | 1.634.955.249 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|---|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 112.878.888.902 | 500.598.829.132 | 8.292.506.129 | 2.915.936.393 | 624.686.160.556 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 20.463.041.853 | 31.221.626.215 | 749.194.898 | 79.035.389 | 52.512.898.355 |
| Tăng do điều chỉnh quyết toán xây dựng cơ bản | - | 2.686.372.435 | 41.760 | - | 2.686.414.195 |
| Tăng do hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ | - | 322.150.462 | - | - | 322.150.462 |
| Giảm do điều chỉnh quyết toán xây dựng cơ bản | (3.906.174.822) | - | - | - | (3.906.174.822) |
| Số dư cuối năm | 129.435.755.933 | 534.828.978.244 | 9.041.742.787 | 2.994.971.782 | 676.301.448.746 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 72.111.951.231 | 468.593.605.277 | 6.927.076.705 | 1.776.589.424 | 549.409.222.637 |
| Khấu hao trong năm | 5.222.971.669 | 11.892.894.324 | 303.973.311 | 337.177.105 | 17.757.016.409 |
| Số dư cuối năm | 77.334.922.900 | 480.486.499.601 | 7.231.050.016 | 2.113.766.529 | 567.166.239.046 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số dư đầu năm | 40.766.937.671 | 32.005.223.855 | 1.365.429.424 | 1.139.346.969 | 75.276.937.919 |
| Số dư cuối năm | 52.100.833.033 | 54.342.478.643 | 1.810.692.771 | 881.205.253 | 109.135.209.700 |

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty là 454.815.717.763 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 446.358.494.501 VND).

Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty là 30.378.533.190 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30.088.463.274 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Chương trình phần mềm VND | Tài sản cố định VND | Tổng VND |
|--|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 13.836.840.489 | 5.811.007.978 | 19.647.848.467 |
| Tăng do hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ | - | - | 677.101.123 | 677.101.123 |
| Tăng do phê duyệt quyết toán | 1.705.912.372 | - | - | 1.705.912.372 |
| Giảm do phê duyệt quyết toán | - | (44.768) | - | (44.768) |
| Số dư cuối năm | 1.705.912.372 | 13.836.795.721 | 6.488.109.101 | 22.030.817.194 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 12.248.107.241 | 4.226.619.921 | 16.474.727.162 |
| Khấu hao trong năm | 27.617.001 | 818.680.286 | 589.765.812 | 1.436.063.099 |
| Số dư cuối năm | 27.617.001 | 13.066.787.527 | 4.816.385.733 | 17.910.790.261 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 1.588.733.248 | 1.584.388.057 | 3.173.121.305 |
| Số dư cuối năm | 1.678.295.371 | 770.008.194 | 1.671.723.368 | 4.120.026.933 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.997.544.001 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.951.974.093 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71.867.257 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 505.279.931 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn | 50.414.949.987 | 43.627.079.863 |
| Đầu tư bổ sung tần số VHF thứ 2 cho phân khu 4,5 FIR HCM tại Trường Sa lớn và Song Tử Tây | 5.628.398.798 | - |
| Đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning và hệ thống hội nghị trực tuyến | 4.232.163.745 | 2.817.438.583 |
| Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Điện Biên mới | 92.776.811 | 1.232.406.554 |
| Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Rạch Giá | - | 204.833.814 |
| Các công trình khác | 1.500.972.448 | 413.732.699 |
| Cộng | 61.869.261.789 | 48.295.491.513 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Giá trị | Số có khả năng |
| | VND | trả nợ VND | VND | trả nợ VND |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | 15.560.482.029 | 15.560.482.029 | 5.962.613.769 | 5.962.613.769 |
| Công ty Indra Air Traffic, Inc (Công ty Selex Systems Integration Inc) | 2.904.299.904 | 2.904.299.904 | 505.590.194 | 505.590.194 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Điện lạnh VINASHIN | 2.477.219.982 | 2.477.219.982 | 2.477.219.982 | 2.477.219.982 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng 306 | 1.757.685.820 | 1.757.685.820 | - | - |
| Công ty TNHH Công nghệ Dicom | 1.751.088.600 | 1.751.088.600 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Hà Nội | 1.339.088.863 | 1.339.088.863 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp CONSTREXIM Số 8 | 1.319.979.852 | 1.319.979.852 | - | - |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường | 1.142.785.030 | 1.142.785.030 | 1.142.785.030 | 1.142.785.030 |
| Các đối tượng khác | 2.868.333.978 | 2.868.333.978 | 1.837.018.563 | 1.837.018.563 |
| b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan | 621.548.727 | 621.548.727 | 547.754.725 | 547.754.725 |
| Trung tâm Quản lý luồng không lưu Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam | 550.596.353 | 550.596.353 | 520.922.923 | 520.922.923 |
| Công ty Quản lý Bay Miền Trung | 61.256.798 | 61.256.798 | - | - |
| Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam | 9.695.576 | 9.695.576 | - | - |
| Công ty Quản lý Bay Miền Bắc | - | - | 26.831.802 | 26.831.802 |
| Cộng | 16.182.030.756 | 16.182.030.756 | 6.510.368.494 | 6.510.368.494 |

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 161.167.528 | 1.700.944.457 |
| Công ty Bảo Minh Hà Nội | 161.167.528 | - |
| Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không VN - CTCP | - | 1.365.503.228 |
| Các đối tượng khác | - | 335.441.229 |
| b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan | 369.834.634 | - |
| Công ty Quản lý Bay Miền Bắc | 225.038.622 | - |
| Công ty Quản lý Bay Miền Nam | 144.796.012 | - |
| c) Người mua trả tiền trước dài hạn | 35.584.782.845 | 43.298.795.974 |
| Cục Hàng không Dân dụng Singapore | 35.584.782.845 | 43.298.795.974 |
| Cộng | 36.115.785.007 | 44.999.740.431 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Số cuối năm |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | trong năm VND | trong năm VND | VND |
| Thuế GTGT phải nộp | 7.802.900.248 | 8.763.357.302 | 16.526.794.619 | 39.462.931 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.932.858.606 | 1.932.858.606 | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 153.977.224 | 153.977.224 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 326.417.337 | 4.889.184.484 | 4.551.985.899 | 663.615.922 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.573.270.234 | 15.928.076.476 | 18.250.454.284 | 5.250.892.426 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 1.399.102.351 | 1.362.060.711 | 37.041.640 |
| Các loại thuế khác | - | 7.437.316.332 | 7.437.316.332 | - |
| Lệ phí môn bài | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - |
| Các khoản phải nộp khác | - | 64.067.261 | 21.887.809 | 42.179.452 |
| Cộng | 15.702.587.819 | 40.573.940.036 | 50.243.335.484 | 6.033.192.371 |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Giá trị | Số có khả năng |
| | VND | trả nợ VND | VND | trả nợ VND |
| Trích trước chi phí quyết toán dự án | 2.578.369.569 | 2.578.369.569 | 764.123.883 | 764.123.883 |
| Trích trước chi phí giá vốn | 1.758.285.419 | 1.758.285.419 | 1.470.710.700 | 1.470.710.700 |
| Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đảng ... | 369.469.830 | 369.469.830 | 309.589.344 | 309.589.344 |
| Cộng | 4.706.124.818 | 4.706.124.818 | 2.544.423.927 | 2.544.423.927 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|---|---|--|--|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2022 | 279.084.000.000 | - | - | 192.024.308 | 279.276.024.308 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 47.720.299.831 | 47.720.299.831 |
| Tăng trong năm | - | 333.612.773 | - | - | 333.612.773 |
| Giảm trong năm | - | (333.612.773) | - | - | (333.612.773) |
| Nộp lợi nhuận còn lại năm 2018, 2019 về Tổng Công ty | - | - | - | (192.024.308) | (192.024.308) |
| Bù trừ lợi nhuận đã nộp thừa Q1/2020 vào lợi nhuận năm 2022 | - | - | - | (929.374.616) | (929.374.616) |
| Phân phối lợi nhuận năm 2022 | - | - | 14.268.724.166 | (37.064.598.624) | (22.795.874.458) |
| Tại ngày 01/01/2023 | 279.084.000.000 | - | 14.268.724.166 | 9.726.326.591 | 303.079.050.757 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 57.273.217.935 | 57.273.217.935 |
| Tăng trong năm | - | 362.104.863 | - | - | 362.104.863 |
| Giảm trong năm | - | (362.104.863) | - | - | (362.104.863) |
| Nộp lợi nhuận còn lại năm 2022 và 9 tháng 2023 về Tổng Công ty | - | - | - | (11.364.658.267) | (11.364.658.267) |
| Bù trừ công nợ (i) | - | - | (14.268.724.166) | (9.568.440.646) | (23.837.164.812) |
| Phân phối lợi nhuận năm 2023 (ii) | - | - | 17.181.965.381 | (43.987.382.983) | (26.805.417.602) |
| Tại ngày 31/12/2023 | 279.084.000.000 | - | 17.181.965.381 | 2.079.062.630 | 298.345.028.011 |

Ghi chú:

- (i) Bù trừ công nợ theo Biên bản xác nhận đối trừ công nợ ngày 20 tháng 3 năm 2023, theo đó, Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thống nhất bù trừ số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại và Quỹ đầu tư phát triển năm 2022 Công ty phải nộp về Tổng Công ty với số Tổng Công ty phải trả Công ty trong quý 4 năm 2022 liên quan đến các hợp đồng Công ty cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng số tiền là 43.987.382.983 VND dựa trên kết quả kinh doanh năm 2023. Số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

| | Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh | | Vốn đã góp tại ngày cuối năm | |
|-----------------------------------|--|-------------|---------------------------------|-------------|
| | VND | (%) | VND | (%) |
| Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam | 279.084.000.000 | 100% | 279.084.000.000 | 100% |
| | 279.084.000.000 | 100% | 279.084.000.000 | 100% |

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|-------------|------------|
| Đồng Đô la Mỹ (USD) | 235.951,13 | 25.503,88 |
| Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) | 1.422,17 | 1.421,28 |

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 15.187.056.830 | 10.501.142.067 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 313.709.592.884 | 291.328.785.362 |
| Cộng | 328.896.649.714 | 301.829.927.429 |
| Trong đó: Doanh thu đối với bên liên quan (i) | 211.148.400.121 | 188.394.208.288 |

Ghi chú:

- (i) Trong quý 4 năm 2023, Công ty đã ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị khoảng 66,2 tỷ VND trên cơ sở hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành: Dịch vụ dẫn đường VOR/DME, NDB; Dịch vụ giám sát ADS-B; Dịch vụ thoại không địa VHF tại Trường Sa Lớn và Song Tử Tây; Dịch vụ cho thuê và quản trị phần mềm AMHS, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật năm 2023. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.

Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa | 11.078.974.959 | 7.160.102.415 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 194.900.256.472 | 189.989.689.733 |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (975.980) | 29.849.523 |
| Cộng | 205.978.255.451 | 197.179.641.671 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 11.902.770.321 | 13.187.010.478 |
| Chi phí nhân công | 124.804.365.964 | 105.943.812.989 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.238.576.971 | 22.368.252.010 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 78.682.056.248 | 80.876.142.382 |
| Chi phí khác bằng tiền | 31.915.119.709 | 31.158.425.449 |
| Cộng | 265.542.889.213 | 253.533.643.308 |

Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban Điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị 108.722.174.400 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2023.

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 4.222.670.076 | 3.440.483.876 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 715.562.655 | 455.152.872 |
| Cộng | 4.938.232.731 | 3.895.636.748 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|----------------------|--------------------|---------------------|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 622.664.759 | 167.448.625 |
| Cộng | 622.664.759 | 167.448.625 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm | 54.345.795.623 | 48.992.089.480 |
| Tiền lương | 35.432.098.443 | 30.818.711.220 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 18.913.697.180 | 18.173.378.260 |
| b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | 515.512.904 | 442.935.516 |
| Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa | 512.494.784 | 439.935.516 |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | 3.018.120 | 3.000.000 |

26. THU NHẬP KHÁC

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|--|--------------------|---------------------|
| Hoàn nhập bảo hành | 200.440.040 | 764.483.698 |
| Thu bồi thường chi phí đào tạo do nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động | 25.620.958 | 28.475.000 |
| Các khoản khác | 82.412.491 | 74.891.182 |
| Cộng | 308.473.489 | 867.849.880 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ KHÁC

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|----------------------------------|--------------------|---------------------|
| Tiền thuế bổ sung, chậm nộp thuế | 211.700.362 | - |
| Điều chỉnh thuế GTGT | 65.511.024 | - |
| Chi phí khắc phục sự cố sét đánh | - | 24.528.287 |
| Các khoản khác | 82.875.454 | 71.036.709 |
| Cộng | 360.086.840 | 95.564.996 |

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Số năm nay VND | Số năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 72.321.040.357 | 59.715.733.769 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 544.530.566 | 249.444.576 |
| Cộng: Thu nhập chưa thực hiện | 544.530.566 | 249.444.576 |
| <i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i> | - | - |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 72.865.570.923 | 59.965.178.345 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 14.573.114.184 | 11.993.035.669 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo tờ khai quyết toán thuế năm trước | 32.207.028 | 2.398.269 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu (i) | 71.587.460 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp khác (ii) | 370.913.750 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 15.047.822.422 | 11.995.433.938 |

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế số tiền 544.530.566 VND, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ghi chú:

- (i) Tiền thuế TNDN truy thu theo Quyết định số 90504/QĐ-CTHN-TTKT8-XPVPHC ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Cục thuế TP Hà Nội.
- (ii) Tiền thuế TNDN còn lại trên khoản tiền 1.113.100 USD đã trích và nộp thuế TNDN năm 2013 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ ADSB cho Cục Hàng không Singapore.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| Bên liên quan | Quan hệ | Số năm nay | Số năm trước |
|---|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| Bán hàng | | 211.148.400.121 | 188.394.208.288 |
| Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam | Công ty mẹ | 209.279.205.527 | 186.407.559.628 |
| Công ty Quản lý Bay Miền Bắc | Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ | 335.678.594 | 188.798.660 |
| Công ty Quản lý Bay Miền Trung | Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ | 532.400.000 | - |
| Công ty Quản lý Bay Miền Nam | Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ | 716.116.000 | 1.536.600.000 |
| Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty QLBNV | Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ | 285.000.000 | 261.250.000 |

Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

| | Số năm nay | Số năm trước |
|--|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành | 5.461.962.717 | 5.165.479.152 |



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Phụ trách kế toán

Ưông Thị Thu Huyền
Người lập biểu